

Bản án số: 187/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2023

“Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng
2. Bà Huỳnh Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồ Quế Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 449/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Thu T**, sinh năm 1989, nơi cư trú: **ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long**. (Xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Trường T1**, sinh năm 1985 nơi cư trú: **ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bày:

Năm 2010 chị **T** và anh **T1** quen biết nhau và được gia đình chấp nhận, nên anh chị tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục. Anh chị có đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long** được cấp giấy chứng nhận ngày 30/8/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt gia đình vợ chồng không phù hợp nên hay cự cãi nhau, chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được. Anh T1 luôn hành hung, hăm dọa chị T khi chấp hành án trở về địa phương thì được mấy ngày anh T1 đã đánh đập chị, anh T1 tính tình hung hãn nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh T1, chị cương quyết xin ly hôn, hiện tại anh chị đã sống ly thân được 6 tháng. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T yêu cầu ly hôn với anh Đặng Trường T1.

Về con chung: Cháu Đặng Đạt H, sinh ngày 20/6/2011 hiện đang sống với anh T1, chị T có ý kiến nếu cháu H có ý kiến sống với ai thì chị tôn trọng ý kiến bé, chị hay anh T1 nuôi con đều không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tại bản khai ngày 23/11/2023 cháu H có ý kiến muốn tiếp tục sống chung với cha nên chị T đồng ý để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai ý kiến và xin giải quyết vắng mặt ngày 23/11/2023 chị T xin Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn vắng mặt chị.

* Ý kiến trình bày của bị đơn anh T1 : Anh thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con chung, thời gian kết hôn còn về mâu thuẫn vợ không đúng, T gây nợ nần người ta tìm đến nhà đòi anh T1 và gia đình nên anh T1 mới nóng tính có đánh chị T, sau khi đánh T thì T bỏ đi sống riêng đến nay đã 6 tháng, anh còn tình cảm với T nên T xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, anh không muốn con anh phải buồn thiếu tình cảm cha mẹ, nếu Tòa án cho ly hôn thì anh tôn trọng ý kiến cháu H sống với ai người đó nuôi, không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về quan hệ tài sản thống nhất tự thỏa thuận không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Thu T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Hồ giải quyết ly hôn anh Đặng Trường T1 cư trú tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 23/11/2023 chị T có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử

giải quyết vắng mặt chị **T**. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa sơ thẩm cho anh **Đặng Trường T1** đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh **T1** vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh **Đặng Trường T1**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân chị **Lê Thị Thu T** và anh **Đặng Trường T1** có đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long** được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/8/2010 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **T** là hoàn toàn có cơ sở. Bởi vì, về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **T** và anh **T1** trầm trọng là đúng, anh chị có thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh **T1** đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không tham gia nên không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị **Lê Thị Thu T** được ly hôn với anh **Đặng Trường T1**.

[2.2] Về con chung: Cháu **Đặng Đạt H**, sinh ngày 20/6/2011. Hiện cháu **H** đang do anh **T1** nuôi dưỡng. Chị **T** tự nguyện đồng ý để anh **T1** tiếp tục nuôi dưỡng, chị **T** không cấp dưỡng nuôi con. Vấn đề giao cháu **H** cho anh **T1** tiếp tục nuôi dưỡng chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi con và anh **T1** cũng đồng ý là sự tự nguyện của anh chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị **Lê Thị Thu T** và anh **Đặng Trường T1** không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Chị **Lê Thị Thu T** phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, 56 và Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị Thu T** đối với anh **Đặng Trường T1**. Cho chị **Lê Thị Thu T** ly hôn với anh **Đặng Trường T1**.

2. Về nuôi dưỡng con chung: Giao cháu **Đặng Đạt H**, sinh ngày 20/6/2011 cho anh **Đặng Trường T1** nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị **Lê Thị Thu T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

4. Về quan hệ tài sản: Chị **Lê Thị Thu T** và anh **Đặng Trường T1** không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị **Lê Thị Thu T** phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0000036 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Vậy chị **Lê Thị Thu T** đã nộp đủ không phải nộp thêm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.H Long Hồ 01;
- Chi cục THADS.H Long Hồ 01;
- UBND xã Long Phước 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Diễm